

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐÀ NẴNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)

## NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 37
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 37

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH Nhà nước MTV sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 216/QĐ-HHVN ngày 06/05/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3204000379 ngày 01/04/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp. Công ty sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 8 ngày 07/05/2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 26 Bạch Đằng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Chung	Chủ tịch	(Bỏ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2021)
Ông Trần Lê Tuấn	Thành viên	
Ông Phan Bảo Lộc	Thành viên	(Thôi phụ trách điều hành hoạt động của Hội đồng Quản trị từ ngày 19 tháng 04 năm 2021)
Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên	
Ông Chen Yung Chan	Thành viên	
Ông Tô Minh Thụy	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2021)
Bà Hoàng Ngọc Bích	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2021)
Ông Lê Quảng Đức	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2021)
Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Yên	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2021)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Lê Tuấn	Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 16 tháng 03 năm 2021. Trước khi bỏ nhiệm, ông là Quyền Tổng Giám đốc)
Ông Dương Đức Xuân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Quảng Đức	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phan Thị Nhị Hà	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kiều Oanh	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Phát	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Lê Tuấn

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2022

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng được lập ngày 21 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biên**

Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2022

T: (84)24 3824 1990 | F: (84)24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

A member of **HLB** International



**Nguyễn Thị Nhân**

Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2959-2020-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>806.505.066.897</b>	<b>686.824.773.292</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	87.330.813.138	66.236.999.996
111	1. Tiền		33.047.285.444	13.219.056.726
112	2. Các khoản tương đương tiền		54.283.527.694	53.017.943.270
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	522.894.143.903	441.875.185.921
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		522.894.143.903	441.875.185.921
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		158.309.502.735	128.692.256.392
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	119.684.330.777	117.440.258.369
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	35.860.491.753	6.791.122.320
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.987.578.710	6.305.376.808
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.222.898.505)	(1.844.501.105)
140	IV. Hàng tồn kho	9	21.196.397.518	20.430.590.390
141	1. Hàng tồn kho		21.196.397.518	20.430.590.390
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.774.209.603	29.589.740.593
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.365.067.177	2.980.326.140
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		14.409.142.426	22.269.309.796
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	-	4.340.104.657
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>977.595.540.695</b>	<b>1.033.315.865.000</b>
220	II. Tài sản cố định		908.895.329.129	970.333.989.289
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	797.465.091.900	867.864.100.448
222	- Nguyên giá		2.109.873.121.423	2.073.826.511.633
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.312.408.029.523)	(1.205.962.411.185)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	111.430.237.229	102.469.888.841
228	- Nguyên giá		116.358.251.857	105.939.044.787
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.928.014.628)	(3.469.155.946)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	120.350.017
231	- Nguyên giá		-	145.000.000
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(24.649.983)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	19.434.344.410	16.827.434.746
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		19.434.344.410	16.827.434.746
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	33.885.084.128	32.615.481.149
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		30.089.813.149	30.089.813.149
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.795.270.979	3.764.334.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(1.238.666.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		15.380.783.028	13.418.609.799
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	14.154.758.868	12.192.585.639
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.115.216.160	1.115.216.160
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		110.808.000	110.808.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.784.100.607.592</b>	<b>1.720.140.638.292</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>305.892.273.916</b>	<b>314.408.557.109</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>169.786.251.040</b>	<b>137.475.072.132</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	39.825.485.501	40.516.321.768
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		582.096.925	588.251.594
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	12.993.069.600	14.439.736.571
314	4. Phải trả người lao động		70.874.909.205	50.086.798.765
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.683.872.105	1.944.767.221
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.483.191.659	993.168.574
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	28.106.022.876	13.466.742.488
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		14.237.603.169	15.439.285.151
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>136.106.022.876</b>	<b>176.933.484.977</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	136.106.022.876	176.933.484.977
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.478.208.333.676</b>	<b>1.405.732.081.183</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>1.478.208.333.676</b>	<b>1.405.732.081.183</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		990.000.000.000	990.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		990.000.000.000	990.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(215.000.000)	(215.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		206.564.982.414	206.564.982.414
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		281.858.351.262	209.382.098.769
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		43.501.530.869	
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		238.356.820.393	209.382.098.769
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.784.100.607.592</b>	<b>1.720.140.638.292</b>

Ngô Quốc Văn

Người lập biểu

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Ngọc Tâm

Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Trần Lê Tuấn

Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.078.888.885.510	904.427.391.481
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	31.524.950
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.078.888.885.510	904.395.866.531
11	4. Giá vốn hàng bán	22	696.425.541.714	584.619.668.823
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		382.463.343.796	319.776.197.708
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	32.008.965.070	31.948.832.434
22	7. Chi phí tài chính	24	9.929.530.479	15.876.879.294
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		10.121.190.775	11.427.685.495
25	8. Chi phí bán hàng	25	9.654.547.806	5.008.386.778
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	91.635.453.840	72.363.930.820
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		303.252.776.741	258.475.833.250
31	11. Thu nhập khác	27	1.466.459.835	1.906.524.012
32	12. Chi phí khác	28	8.077.812.639	183.173.458
40	13. Lợi nhuận khác		(6.611.352.804)	1.723.350.554
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		296.641.423.937	260.199.183.804
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	58.284.603.544	50.613.445.035
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	203.640.000
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>238.356.820.393</u>	<u>209.382.098.769</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.408	2.115

Ngô Quốc Văn  
Người lập biểu  
Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Ngọc Tâm  
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Trần Lê Tuấn  
Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		296.641.423.937	260.199.183.804
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		115.724.978.213	117.264.403.257
03	- Các khoản dự phòng		139.731.400	(921.964.767)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(256.477.834)	758.174.864
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(28.874.753.161)	(31.286.899.819)
06	- Chi phí lãi vay		10.121.190.775	11.427.685.495
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		393.496.093.330	357.440.582.834
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		7.569.704.836	699.760.377
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(765.807.128)	(9.463.435.008)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		20.481.491.098	15.741.389.819
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.346.914.266)	(3.861.048.117)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(10.381.498.915)	(11.508.562.382)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(59.632.206.000)	(49.101.709.435)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(18.582.249.882)	(18.454.730.550)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		330.838.613.073	281.492.247.538
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(84.322.480.820)	(68.851.349.682)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.096.505.336	1.543.108.080
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(189.675.699.137)	(222.041.457.337)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		108.656.741.155	159.810.179.810
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(168.383.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		313.900.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		28.421.861.346	29.321.153.639
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(135.677.555.120)	(100.218.365.490)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(25.464.305.289)	(12.902.527.034)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(148.500.000.000)	(138.600.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(173.964.305.289)	(151.502.527.034)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		21.196.752.664	29.771.355.014

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		66.236.999.996	36.465.358.542
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(102.939.522)	286.440
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>87.330.813.138</u>	<u>66.236.999.996</u>

Ngô Quốc Văn

Người lập biểu

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Ngọc Tâm

Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Trần Lê Tuấn

Tổng Giám đốc

